

Số: 1322/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Quang C, sinh năm 1957

Địa chỉ: 18/112, khu phố 3, phường E, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Thu Y, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 18/112, khu phố 3, phường E, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 18, tổ 18, khu phố 4, phường D, Tp B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Lương Thị Thanh H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 18, tổ 18, khu phố 4, phường D, Tp B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bùi Ngọc S, sinh năm 1990.

4. Bùi Thành T, sinh năm 1992.

5. Bùi Thành Q, sinh năm 1994.

6. Bùi Thị Vi H, sinh năm 1998.

7. Bùi Thu U, sinh ngày 11/3/2002

Địa chỉ: 18/112, khu phố 3, phường E, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14

Căn cứ vào Luật người cao tuổi;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Quang C và bà Đinh Thị Thu Y

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Có 05 con chung: Bùi Ngọc Vy (nữ), sinh năm 1990; Bùi Thành Danh (nam), sinh năm 1992, Bùi Thành Quang (nam), sinh năm 1994; Bùi Thị Vi Hiền (nữ), sinh ngày 3/10/1998 và Bùi Thu Thảo (nữ), sinh ngày 11/03/2002. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không xem xét, giải quyết.

-Về tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia tài sản chung như sau:

+ Giao cho ông Bùi Quang C được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt, sở hữu đối với căn nhà và đất tọa lạc tại 26/116, khu phố 3, phường Tam Hòa, TP.B, tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 191, tờ bản đồ số 3, P. Tam Hòa, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Kết cấu căn nhà thứ 1 tường gạch, bê tông, cột thép, nền gạch men, diện tích xây dựng, tầng 1: 72.36m², tầng 2: 72.36m², tầng 3: 72.36m², tầng 4: 7.65m², diện tích sàn xây dựng: 224.73m²; Kết cấu căn nhà thứ 2: mái tôn, cột gạch, tường gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng: 26.40m² (toàn bộ căn nhà xây dựng trong phần diện tích đất quy hoạch giao thông), theo bản vẽ hiện trạng nhà ngày 01/7/2020, diện tích đất là 558.5m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1) theo bản đồ hiện trạng khu đất số: 3475/2020 ngày 01/7/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – CN B; hiện nay bà Y cùng các con bà Y là cháu Bùi Thành Danh, chị Bùi Thị Thu Hiền, chị Bùi Thu Thảo đang quản lý sử dụng căn nhà trên sẽ có trách nhiệm tiến hành bàn giao lại căn nhà và đất cho ông C quản lý sử dụng, định đoạt.

Theo như chứng thư thẩm định giá thì giá trị đất: 5.541.292.500đ, giá trị nhà 1.004.219.280đ. Tổng giá trị tài sản ông C nhận là 6.545.511.780đồng.

+ Giao cho bà Y được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt, sở hữu đối căn nhà và đất tọa lạc tại 18/112, khu phố 3, phường Tam Hòa, TP. B, tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 138, tờ bản đồ số 3, phường Tam Hòa, TP. B, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4701091814 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/6/2004 đứng tên ông C, bà Y. Căn nhà có diện tích xây dựng theo bản vẽ hiện trạng nhà ngày 01/7/2020 như sau: kết cấu nhà: mái bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng: tầng 1: 308.92m², tầng 2: 316.2 m², tầng 3, 35.2m², diện tích sàn xây dựng: 660.32m² phần diện tích đất được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1) có diện tích là 269.7m² theo bản đồ hiện trạng khu đất số: 3477/2020 ngày 01/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – CN B, kèm theo bản vẽ hiện trạng nhà;

Theo như chứng thư thẩm định giá thì quyền sử dụng đất có giá trị là 15.312.250.000đ, giá trị nhà: 1.590.849.590đ, tổng giá trị tài sản bà Y nhận là 16.903.099.590đ.

Theo như chứng thư thẩm định giá thì tổng giá trị tài sản hai căn nhà, đất có giá trị là: 23.448.611.370đồng. Chia cho ông C, bà Y mỗi người $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản tương đương ông C, bà Y mỗi người được chia là: 11.724.305.685đồng.

Bà Đinh Thị Thu Y có trách nhiệm thanh toán cho ông Bùi Quang C số tiền chênh lệch là 5.178.793.905đồng

Bà Y, ông C có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề tiến hành làm hồ sơ, thủ tục cấp giấy, thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật.

Bà Đinh Thị Thu Y và ông Bùi Quang C có trách nhiệm bàn giao căn nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 171b, tờ bản đồ số 03 phường E (thửa đất chính là thửa đất số 244, TĐĐ số 03, P E), TP. B, tỉnh Đồng Nai. Căn nhà có kết cấu mái BTCT, sàn BTCT, cột BTCT, tường gạch, nền gạch men, tầng 1 có diện tích xây dựng là 222,17m², tầng 2 có diện tích xây dựng là 222,17m², tầng 3 có diện tích xây dựng là 222,17m² theo bản vẽ hiện trạng ngày ngày 30/6/2020. Đất có diện tích là 233,6m² giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6,1) theo bản vẽ hiện trạng khu đất số 3476 ngày 01/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – CN B cho anh Bùi Thành Quang và chị Bùi Ngọc Vy quản lý, sử dụng và định đoạt, quản lý, sở hữu căn nhà và đất đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 698855 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 09/3/2020 đứng tên Bùi Thành Quang và chị Bùi Ngọc Vy.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông C về việc chia tài sản chung là căn nhà và đất tại thửa đất số 171b, tờ bản đồ số 03 phường E (thửa đất chính là thửa đất số 244, TĐĐ số 03, P E), TP. B, tỉnh Đồng Nai và hủy giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 698855 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 09/3/2020 đứng tên Bùi Thành Quang và chị Bùi Ngọc Vy.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các chi phí tố tụng gồm: Chi phí đo đạc, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản, ông C tự nguyện chịu và đã nộp đầy đủ.

Về án phí: Ông Bùi Quang C thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Bà Đinh Thị Thu Y chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 59.862.153đồng.

Anh Bùi Thành Quang và chị Bùi Ngọc Vy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008969 ngày 30/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Anh Quang, bà Vy đã nộp xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thu Thương